

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 25/10/2020**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Hà An	Nữ	12/06/1998	Nghệ An	6.7	9.0	319/QĐ238	1140972	
2	Đặng Khắc Bảo	Nam	17/01/1987	Nghệ An	6.3	7.0	320/QĐ238	1140973	
3	Vi Văn Biên	Nam	15/11/1981	Nghệ An	7.0	6.5	321/QĐ238	1140974	
4	Lô Va Di	Nam	04/05/1984	Nghệ An	6.3	6.5	322/QĐ238	1140975	
5	Lô Ngọc Đôi	Nam	29/09/1988	Nghệ An	6.7	6.0	323/QĐ238	1140976	
6	Lương Tuấn Dũng	Nam	10/07/1985	Nghệ An	6.7	8.0	324/QĐ238	1140977	
7	Ngân Thị Duyên	Nữ	04/02/1982	Nghệ An	6.0	5.5	325/QĐ238	1140978	
8	Lê Thị Thanh Hải	Nữ	10/09/1989	Nghệ An	6.3	6.5	326/QĐ238	1140979	
9	Lương Thị Kim	Nữ	06/08/1988	Nghệ An	6.3	7.5	327/QĐ238	1140980	
10	Lô Xu Ly	Nữ	20/09/1981	Nghệ An	5.7	5.5	328/QĐ238	1140981	
11	Lương Văn May	Nam	20/09/1979	Nghệ An	6.0	6.0	329/QĐ238	1140982	
12	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	28/01/1999	Hà Tĩnh	6.3	6.5	330/QĐ238	1140983	
13	Vi Thị Mùi	Nữ	12/02/1991	Nghệ An	7.0	7.5	331/QĐ238	1140984	
14	Lô Vân Nga	Nam	16/07/1988	Nghệ An	6.3	7.0	332/QĐ238	1140985	
15	Lương Thị Ngọc	Nữ	03/09/1987	Nghệ An	6.3	8.0	333/QĐ238	1140986	
16	Kha Văn Phùng	Nam	15/10/1968	Nghệ An	5.3	5.5	334/QĐ238	1140987	
17	Đậu Thị Phương	Nữ	02/09/1981	Nghệ An	6.3	6.0	335/QĐ238	1140988	
18	Kha Viễn Phương	Nam	19/11/1981	Nghệ An	6.7	7.0	336/QĐ238	1140989	
19	Đinh Thị Quỳnh	Nữ	26/02/1992	Nghệ An	5.7	7.5	337/QĐ238	1140990	
20	Phan Thị Sang	Nữ	18/07/1994	Nghệ An	7.7	7.5	338/QĐ238	1140991	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
21	Lương Văn Tám	Nam	26/07/1977	Nghệ An	5.7	7.5	339/QĐ238	1140992	
22	Đậu Xuân Thanh	Nam	20/07/1971	Nghệ An	5.3	6.5	340/QĐ238	1140993	
23	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	27/02/1996	Nghệ An	7.3	8.0	341/QĐ238	1140994	
24	Hoàng Trung Thông	Nam	20/07/1966	Nghệ An	6.3	6.5	342/QĐ238	1140995	
25	Kha Văn Thứ	Nam	20/04/1986	Nghệ An	6.3	6.5	343/QĐ238	1140996	
26	Lương Thị Thương	Nữ	03/03/1987	Nghệ An	7.3	8.0	344/QĐ238	1140997	
27	Moong Công Tình	Nam	08/04/1980	Nghệ An	5.7	7.0	345/QĐ238	1140998	
28	Lô Văn Trọng	Nam	02/03/1984	Nghệ An	5.7	6.0	346/QĐ238	1140999	
29	Nguyễn Trường	Nam	19/02/1988	Hà Tĩnh	6.3	5.5	347/QĐ238	1141000	
30	Ngân Văn Tứ	Nam	12/01/1988	Nghệ An	6.3	9.0	348/QĐ238	1141001	
31	Lô Văn Viên	Nam	23/04/1982	Nghệ An	5.3	6.0	349/QĐ238	1141002	
32	Nguyễn Thị Vui	Nữ	10/03/1995	Nghệ An	6.7	8.0	350/QĐ238	1141003	

